

Các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch địa chất tỉnh Quảng Bình

Nguyễn Lan Hoàng Thảo

Trường Đại học Mở - Địa chất

Email liên hệ: nguyenlanhoangthao@humg.edu.vn

Tóm tắt: Mục tiêu của nghiên cứu này nhằm xác định các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch địa chất tỉnh Quảng Bình, từ đó đưa ra những khuyến nghị nhằm phát triển du lịch địa chất tỉnh Quảng Bình. Phương pháp phân tích nhân tố khám phá kết hợp hồi quy tuyến tính được sử dụng để thực hiện. Kết quả nghiên cứu cho thấy có 5 nhân tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch địa chất tỉnh Quảng Bình bao gồm: Tài nguyên du lịch địa chất, Chính sách phát triển du lịch địa chất của địa phương, Công tác xúc tiến, quảng bá và đầu tư du lịch, Sự tham gia của cộng đồng địa phương và Nhu cầu và khả năng thanh toán của khách du lịch. Trong đó, yếu tố Chính sách phát triển du lịch địa chất của địa phương có ảnh hưởng mạnh nhất. Dựa trên kết quả nghiên cứu, tác giả đề xuất một số kiến nghị nhằm phát triển du lịch địa chất tỉnh Quảng Bình.

Từ khóa: du lịch địa chất, phát triển du lịch địa chất, Quảng Bình.

Determinants of geotourism development in Quang Binh province

Abstract: The study aims to identify the determinants of geotourism development in Quang Binh province, thereby providing recommendations for its development in the province. Exploratory factor analysis combined with linear regression was used to conduct this study. The research results indicate 5 key determinants of geotourism development in Quang Binh province, including: Geotourism resources, local geotourism development policies, tourism promotion, advertising and investment, local community participation and tourists' needs and payment capabilities. Among these, local geotourism development policies exert the strongest impact. Based on these findings, the author proposes recommendations to develop geotourism in the province.

Keywords: geotourism, geotourism development, Quang Binh.

Ngày nhận bài: 07/5/2025; **Ngày phản biện:** 15/5/2025; **Ngày duyệt đăng:** 10/11/2025

1. Đặt vấn đề

Du lịch Quảng Bình thời gian qua đã có bước phát triển mạnh mẽ và đạt được những thành tựu đáng ghi nhận. Theo số liệu của Sở Du lịch tỉnh Quảng Bình (2019), tổng lượt khách du lịch đến tỉnh đạt 5 triệu lượt khách, trong đó có khoảng 350.000 lượt khách quốc tế, tổng thu từ du lịch đạt gần 5.600 tỷ đồng. Thị trường du lịch ngày càng mở rộng, các sản phẩm du lịch từng bước được đa dạng hóa và nâng cao chất lượng; công tác quy hoạch, đầu tư xây dựng được quan tâm, triển khai đồng bộ; hoạt động thông tin, xúc tiến, quảng bá du lịch được đẩy mạnh. Giai đoạn 2018 – 2020, nhiều danh mục dự án mời gọi đầu tư về du lịch đã được phê duyệt để từng bước hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch, các loại hình vận chuyển khách du lịch đến Quảng Bình cũng ngày càng thuận lợi hơn. Tính đến năm 2019, cảng hàng không Đồng Hới đã đón hơn 500.000 lượt khách du lịch nội địa và quốc tế; phương tiện giao thông đường bộ, đường sắt phát triển, kết nối các trung tâm du lịch trong cả nước.

Quảng Bình có một trong hai khu vực đá vôi lớn nhất thế giới với Di sản thiên nhiên thế giới Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng được ví như “Vương quốc hang động” với hàng trăm ngàn hang động lớn, nhỏ mang vẻ đẹp kỳ vĩ, tráng lệ, độc đáo về địa chất, địa mạo, tạo nên tiềm năng phát triển du lịch địa chất nổi bật. Mặc dù được thiên nhiên ưu đãi và đã đạt được những thành tựu quan trọng trong thời gian qua, nhưng du lịch Quảng Bình vẫn còn khá non trẻ so với nhiều địa phương trong cả nước và đang đối mặt với khó khăn như: sự đầu tư chưa tương xứng với tiềm năng, tính chuyên nghiệp trong hoạt động du lịch chưa cao, sự liên kết vùng miền chưa hiệu quả, cơ sở vật chất phục vụ du lịch còn hạn chế. Bên cạnh đó, hậu quả của thiên tai, của sự cố môi trường biển, của dịch bệnh COVID-19 đã ảnh hưởng nặng nề đến du lịch tỉnh. Ngành du lịch Quảng Bình vẫn chủ yếu dựa vào cảnh quan địa hình độc đáo do thiên nhiên ban tặng, các loại hình sản phẩm du

lịch địa chất còn ít, chưa đa dạng, phong phú cũng như chưa xác định các phân khúc khách hàng. Vấn đề phát triển bền vững đối với các điểm du lịch địa chất đã đưa vào khai thác chưa được chú trọng. Nhiều địa điểm có tiềm năng nhưng chưa được đánh giá, phân loại cụ thể để phát triển loại hình sản phẩm du lịch phù hợp. Dự án đầu tư nước ngoài về du lịch địa chất chưa được thực hiện tại Quảng Bình do thiếu thông tin. Công tác quảng bá, xúc tiến du lịch đã được chú trọng, nhưng cần tiếp tục được tăng cường trong thời gian tới, đối với cả thị trường nội địa và quốc tế.

Hiện chưa có công trình nào nghiên cứu về vấn đề khai thác và phát triển tiềm năng du lịch địa chất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình. Do đó, việc triển khai một công trình nghiên cứu phân tích về sự tác động các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch địa chất tại Quảng Bình là cần thiết, qua đó có cơ sở để xuất một số kiến nghị nhằm phát triển du lịch địa chất tỉnh Quảng Bình.

2. Cơ sở lý thuyết về phát triển du lịch địa chất

2.1. Cơ sở lý thuyết về phát triển du lịch địa chất

Xuất phát từ khái niệm của National Geographic khá cụ thể và toàn diện: “Du lịch địa chất là sự duy trì hoặc nâng cao các giá trị đặc trưng địa lý của địa điểm được viếng thăm, bao gồm môi trường, văn hóa, thẩm mỹ, di sản và hạnh phúc của cư dân tại nơi đó”, tác giả tiếp cận khái niệm về phát triển du lịch địa chất như sau: “Phát triển du lịch địa chất được hiểu là sự phát triển du lịch dựa trên sự khai thác hợp lý, hiệu quả các tài nguyên du lịch địa chất, đảm bảo được đồng thời bốn mục tiêu về kinh tế, về văn hóa - xã hội, môi trường, đáp ứng nhu cầu của khách du lịch”. Theo đó, phát triển du lịch địa chất được đặt trong bối cảnh phát triển du lịch bền vững, nội hàm của phát triển du lịch địa chất theo hướng bền vững là quá trình có sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý, hài hòa giữa ba mặt của sự phát triển là bền vững về kinh tế, bền vững về môi trường và bền vững về văn hóa xã hội.

2.2. Các nghiên cứu liên quan đến các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch địa chất

Qua các nghiên cứu tác giả có điều kiện tiếp cận, các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch địa chất bao gồm 4 nhóm nhân tố chính: nhóm nhân tố về tài nguyên du lịch địa chất, nhóm nhân tố về công tác quản lý du lịch địa chất, nhóm nhân tố về xã hội, nhóm nhân tố về sản phẩm, dịch vụ du lịch địa chất, công cụ phát triển du lịch địa chất.

Nhóm nhân tố về tài nguyên du lịch địa chất ảnh hưởng đến phát triển du lịch địa chất được thể hiện trong những nghiên cứu liên quan đến quá trình đánh giá giá trị địa chất tại các địa điểm thông qua các mô hình, cách thức được đề xuất và phát triển trong giai đoạn vừa qua như các mô hình GAM, M-GAM... được nghiên cứu và phát triển bởi Pralong, 2005; Reynard, 2007; Vujic'ic', 2011, Tomic', 2014; Božic', 2015. Qua phân tích có thể đánh giá được tiềm năng phát triển du lịch địa chất tại các địa điểm – là nhân tố có tầm quan trọng mang tính chất quyết định đến phát triển du lịch địa chất.

Nhóm nhân tố về quản lý Nhà nước về du lịch địa chất được đề cập đến trong một số nghiên cứu của Gerner, 2009; Hose, 2012, Dowling, 2013; Kiernan, 2013; Lima, 2013 chủ yếu nhấn mạnh đến những nội dung về công tác thành lập, bảo tồn, quản lý di sản địa chất và công viên địa chất. Nhiều nhà nghiên cứu đã nhấn mạnh rằng du lịch địa chất chỉ có thể phát triển khi được quản lý hợp lý, nếu không thì phát triển du lịch địa chất có thể gây ra mối đe dọa cho di sản địa chất, và không thể khai thác hiệu quả bền vững công viên địa chất, như vậy bảo tồn và quản lý di sản địa chất, công viên địa chất luôn phải song hành với nhau để phát triển du lịch địa chất hiệu quả.

Những công trình nghiên cứu về nhóm yếu tố xã hội ảnh hưởng đến phát triển du lịch địa chất chủ yếu quan tâm đến 2 nhóm đối tượng: cộng đồng cư dân địa phương và khách du lịch. Qua các nghiên cứu có thể khẳng định cộng đồng cư dân địa phương đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển thành công du lịch địa chất tại các địa điểm, các nhà nghiên cứu tập trung vào thái độ và hành vi của người dân địa phương đối với việc phát triển du lịch địa chất ở khu vực địa phương của họ. Nghiên cứu của Shahhoseini, 2017; Khodani Matshusa, 2020 đã điều tra thái độ và hành vi của người dân địa phương trong khu vực công viên địa chất và xác định nhiều lợi ích cho cộng đồng địa phương bao gồm cải thiện cơ hội việc làm và tăng thu nhập cũng như tăng niềm tự hào về dân tộc và văn hóa. Nhận thức, thái độ, sự tham gia của người dân địa phương là những nhân tố quan trọng góp phần phát triển du lịch địa chất tại các địa điểm.

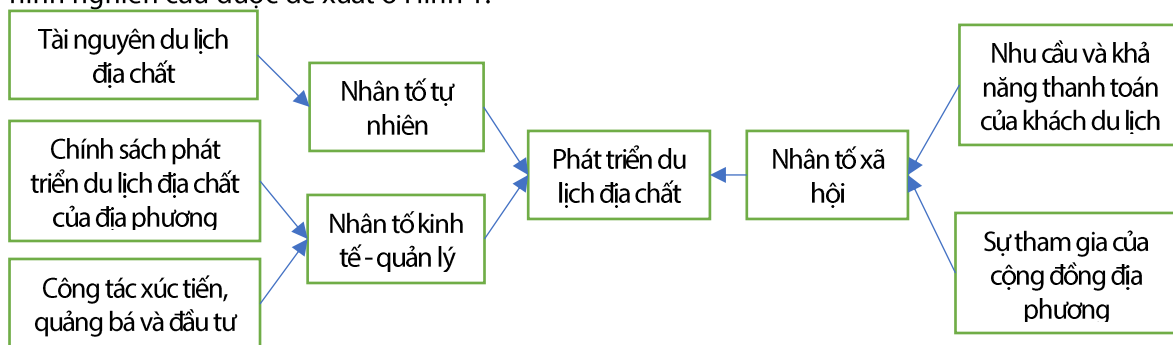
Các nghiên cứu của Neda Farsani, 2013; I W Basi Arjan, 2017, Chen Chang, 2019 đã đề cập đến sản phẩm du lịch địa chất, thể hiện được tính đa dạng của các sản phẩm du lịch địa chất khi được kết hợp với những sản phẩm của các loại hình du lịch khác như du lịch nông thôn, du lịch

sinh thái..., cùng với một số công cụ quảng bá, truyền thông về du lịch địa chất được đề xuất trong nghiên cứu của Bissig, 2008 mang lại nhiều kết quả tích cực cho phát triển du lịch địa chất tại một số quốc gia trong giai đoạn vừa qua.

3. Mô hình nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu

3.1. Mô hình nghiên cứu

Từ cơ sở lý thuyết và tổng hợp các nghiên cứu có liên quan trong và ngoài nước, tác giả đã xác định các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch địa chất tỉnh Quảng Bình. Kết quả xác định được 5 nhân tố ảnh hưởng tương ứng với 5 biến độc lập bao gồm: Tài nguyên du lịch địa chất, Chính sách phát triển du lịch địa chất của địa phương, Công tác xúc tiến, quảng bá và đầu tư, Sự tham gia của cộng đồng địa phương và Nhu cầu và khả năng thanh toán của khách du lịch. Mô hình nghiên cứu được đề xuất ở Hình 1.



Hình 1: Mô hình nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch địa chất tỉnh Quảng Bình

3.2. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp nghiên cứu định tính: Sau khi xác định mục tiêu nghiên cứu, khung lý thuyết về các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển du lịch địa chất, dựa trên việc kế thừa từ những công trình nghiên cứu trước đây và đặc điểm riêng của địa bàn nghiên cứu, từ đó xây dựng được 5 giả thuyết. Dựa trên cơ sở đó, tác giả tiến hành xây dựng thang đo, để đảm bảo các biến nghiên cứu chặt chẽ, đầy đủ, phản ánh chính xác mục tiêu nghiên cứu. Với phương pháp này, tác giả sẽ tiến hành thảo luận với những nhà khoa học có liên quan am hiểu về du lịch địa chất, những người đang thực hiện nhiệm vụ quản lý du lịch địa chất, có nghiên cứu, hiểu biết về du lịch địa chất và những nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển du lịch địa chất. Việc thảo luận này nhằm hiệu chỉnh để đi đến nhất quán thang đo. Giai đoạn nghiên cứu định tính kết thúc, thang đo sơ bộ dùng cho nghiên cứu định lượng được hình thành.

- Phương pháp nghiên cứu định lượng: Tác giả tiến hành khảo sát, thu thập dữ liệu từ thực tế nhằm kiểm định thang đo và mô hình nghiên cứu. Tác giả tiến hành xây dựng bảng hỏi chính thức để tiến hành điều tra khảo sát, đánh giá thang đo bằng các công cụ hệ số tin cậy Cronbach's Alpha nhằm sàng lọc các biến quan sát có nội dung trùng lặp, thừa hoặc không đạt độ tin cậy. Sau khi sàng lọc được biến, tiến hành kiểm định thang đo và các giả thuyết nghiên cứu bằng phân tích nhân tố khám phá (EFA) để chỉ ra những nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển du lịch địa chất tỉnh Quảng Bình, sau đó tiến hành kiểm định lại thang đo và các giả thuyết nghiên cứu giá trị hội tụ, tính toán độ tin cậy tổng hợp và phương sai trích được để xem độ phù hợp của dữ liệu nghiên cứu. Mô hình nghiên cứu sẽ được kiểm định bằng mô hình hồi quy nhằm đánh giá độ phù hợp của dữ liệu với mô hình lý thuyết, tìm ra những nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển du lịch địa chất tỉnh Quảng Bình. Trên cơ sở tác động của các thành phần trong mô hình, tác giả trình bày phần thảo luận các hàm ý nghiên cứu và đề xuất những giải pháp nhằm đẩy mạnh phát triển du lịch địa chất.

4. Kết quả và thảo luận

4.1. Đặc điểm mẫu khảo sát

Quá trình điều tra chính thức được thực hiện trong khoảng thời gian từ tháng 07 năm 2024 đến tháng 12 năm 2024. Với phương pháp chọn mẫu tổng thể, 250 phiếu được phát ra và thu về 250 phiếu, 250 phiếu hợp lệ được sử dụng làm dữ liệu cho nghiên cứu chính thức.

Khái quát đặc điểm mẫu nghiên cứu, cho thấy cơ cấu độ tuổi của 4 nhóm đối tượng tác giả tiến hành khảo sát tương đối trẻ, trong đó độ tuổi dưới 25 tuổi chủ yếu thuộc nhóm người dân địa phương và khách du lịch, thanh niên có sức trẻ sẵn sàng tiếp nhận kiến thức, chấp nhận rủi ro để tham gia vào hoạt động kinh doanh du lịch, thêm vào đó, một lực lượng lớn khách du lịch là các bạn trẻ du lịch theo nhóm. Số lượng người trên 55 tuổi chiếm tỷ trọng rất ít, chỉ 5,2%, lứa tuổi từ 25 – 34 tuổi, 35 – 44 tuổi và 45 – 54 tuổi phân bố đồng đều, đảm bảo mức độ khách quan và đa chiều cho kết quả khảo sát.

Về giới tính, tác giả cũng đã thu thập thông tin của 4 nhóm đối tượng với cơ cấu giới tính cân đối cả nam và nữ. Số lượng người được hỏi chủ yếu là dân tộc kinh chiếm 89,6%, ngoài ra tác giả có thu thập ý kiến của một số người dân dân tộc thiểu số đang sinh sống tại các khu vực phụ cận Vườn Quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng. Về trình độ học vấn, số lượng người được hỏi có trình độ đã qua đào tạo các cấp từ Trung cấp, Cao đẳng đến Đại học chiếm tỷ trọng lớn, số lượng người có trình độ sau đại học tương đối ít, chủ yếu là cán bộ quản lý du lịch. Số lượng người được hỏi có trình độ THPT chiếm tỷ trọng lớn là hoàn toàn hợp lý, chủ yếu là nhóm người dân địa phương và khách du lịch. Ngoài ra, số lượng người được hỏi có mức thu nhập từ trên 5 triệu đến 10 triệu và từ trên 10 triệu đến 15 triệu chiếm tỷ trọng lớn, chiếm 34,8% và chủ yếu là cán bộ làm việc tại các cơ quan Nhà nước và Doanh nghiệp. Họ có mức sống ổn định, thu nhập vừa phải nên lựa chọn du lịch tại Quảng Bình cũng rất hợp lý bởi chi phí dịch vụ du lịch tại Quảng Bình ở mức hợp lý, có nhiều địa điểm du lịch đẹp, hoang sơ và đặc sắc.

4.2. Kết quả độ tin cậy thang đo bằng hệ số Cronbach's Alpha

Kết quả kiểm định độ tin cậy của các nhân tố cho thấy các nhân tố được đề xuất đều có độ tin cậy tốt, giá trị Cronbach's Alpha đều lớn hơn 0,6. Tuy nhiên, trong nhân tố sức hấp dẫn điểm đến có biến NC7 (Khách du lịch có đủ thời gian nhàn rỗi để trải nghiệm các dịch vụ du lịch) có hệ số tương quan biến tổng (Item - Total Correlation) = 0,288 < 0,3 do đó tác giả quyết định loại biến này ra khỏi nhân tố Nhu cầu và khả năng thanh toán của khách du lịch, khi đó hệ số Cronbach's Alpha của biến tổng sẽ tăng từ 0,833 lên 0,859. Kết quả thu được sau khi chạy lại nhân tố này được tổng hợp lại như sau:

Bảng 1: Kiểm định độ tin cậy thang đo Cronbach's Alpha

STT	Biến độc lập và biến phụ thuộc	Số thang đo	Cronbach's Alpha	Tương quan biến tổng	Cronbach's Alpha nếu loại biến
1	Tài nguyên du lịch địa chất	7	0,861	0,506 - 0,713	0,830 - 0,857
2	Chính sách phát triển du lịch địa chất của địa phương	3	0,769	0,594 - 0,672	0,669 - 0,702
3	Công tác xúc tiến, quảng bá và đầu tư du lịch địa chất	5	0,843	0,626 - 0,665	0,806 - 0,817
4	Sự tham gia của cộng đồng địa phương	5	0,838	0,578 - 0,673	0,796 - 0,822
5	Nhu cầu và khả năng thanh toán của khách du lịch	6	0,859	0,611 - 0,686	0,793 - 0,806
6	Phát triển du lịch địa chất tỉnh Quảng Bình	4	0,795	0,544 - 0,654	0,719 - 0,773

(Nguồn: Kết quả điều tra)

3.3. Kiểm định phân tích nhân tố khám phá EFA

3.3.1. Kiểm định thang đo bằng nhân tố khám phá EFA cho các biến độc lập

Qua kết quả phân tích EFA lần 1 cho thấy, trong các biến quan sát được phân tích, có biến TN7 (Tài nguyên du lịch địa chất tại Quảng Bình đa dạng, phong phú) có hệ số tải nhỏ hơn 0,5 là không đạt yêu cầu. Do vậy, tác giả loại biến TN7 và tiến hành phân tích EFA lần 2 đối với các biến quan sát còn lại. Kết quả phân tích EFA đối với các biến quan sát còn lại của các biến độc lập như sau:

Kết quả phân tích nhân tố khám phá EFA cho thấy kết quả kiểm định tương đối tốt. Hệ số KMO = 0,859 > 0,5 nên việc sử dụng bộ dữ liệu này để phân tích nhân tố là thích hợp. Kiểm định Bartlett's Test dùng để xem xét các biến quan sát trong nhân tố có tương quan với nhau không, giá trị này cũng đạt khi giá trị Sig của kiểm định = 0,000 < 0,5, do đó các biến quan sát có quan hệ với nhau và đủ điều kiện để phân tích nhân tố bằng EFA.

Điểm dừng của phân tích nhân tố được đặt trên cơ sở hệ số Eigenvalue, số lượng nhân tố tối đa được lựa chọn khi hệ số này có giá trị nhỏ nhất > 1 và phần trăm tích lũy lớn hơn 50%. Với các điều kiện trên, có 5 nhân tố được rút trích ra tại Initial Eigenvalues là $1,566 > 1$, tổng phương sai trích được là $61,758\% > 50\%$ cho thấy 05 nhân tố trích được trong EFA phản ánh được 61,758% sự biến thiên của tất cả các biến quan sát được đưa vào mô hình.

Bảng 2: Kết quả phân tích nhân tố khám phá cho các biến độc lập

Thang đo	Ký hiệu	Rotated Component Matrix				
		1	2	3	4	5
Khách du lịch có nhu cầu tìm hiểu thông qua hệ thống thông tin diễn giải	NC4	,797				
Khách du lịch có khả năng chi trả	NC6	,768				
Khách du lịch có nhu cầu được biết về các biện pháp bảo tồn di sản, bảo tồn tài nguyên du lịch địa chất	NC5	,753				
Khách du lịch có nhu cầu quan sát các tài nguyên du lịch địa chất	NC1	,739				
Khách du lịch có nhu cầu tìm hiểu về sự phát triển tự nhiên – xã hội – văn hóa	NC2	,732				
Khách du lịch có nhu cầu trải nghiệm dịch vụ	NC3	,716				
Tài nguyên sinh thái	TN3		,794			
Tài nguyên du lịch địa chất tại Quảng Bình mang đặc trưng riêng biệt	TN6		,794			
Tài nguyên sinh học	TN4		,786			
Tài nguyên di sản địa văn hóa	TN5		,759			
Tài nguyên thủy quyền	TN1		,716			
Tài nguyên thạch quyền	TN2		,671			
Những hoạt động, xúc tiến, quảng bá du lịch là cần thiết	XT1			,773		
Các doanh nghiệp du lịch tham gia xúc tiến, quảng bá du lịch là cần thiết	XT2			,763		
Chính quyền địa phương đầu tư phát triển nguồn nhân lực du lịch	XT4			,757		
Chính quyền địa phương đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng du lịch	XT5			,746		
Chính quyền địa phương liên kết quảng bá du lịch vùng	XT3			,739		
Cộng đồng địa phương được tập huấn, giáo dục nâng cao nhận thức	CĐ1				,794	
Cộng đồng địa phương nhận được nhiều lợi ích xã hội	CĐ5				,766	
Cộng đồng địa phương chia sẻ quan điểm về du lịch địa chất với chính quyền địa phương	CĐ3				,766	
Cộng đồng địa phương nhận được nhiều lợi ích kinh tế	CĐ4				,735	
Cộng đồng địa phương tham gia vào các hoạt động phát triển du lịch địa chất	CĐ2				,707	
Chính quyền địa phương tạo môi trường kinh tế ổn định	CS2					,833
Chính quyền địa phương tạo môi trường đầu tư	CS3					,809
Chính quyền địa phương tạo cơ chế, chính sách đặc thù	CS1					,735

Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu

Sau khi phân tích EFA lần 2 đối với các biến còn lại (đã loại trừ biến TN7), kết quả cho thấy hệ số tải của các biến quan sát trong ma trận xoay đều lớn hơn 0,5. Như vậy, các biến quan sát này đều có ý nghĩa trong phân tích EFA.

3.3.2. Kiểm định thang đo bằng nhân tố khám phá EFA cho biến phụ thuộc

Kết quả phân tích nhân tố khám phá EFA cho biến phụ thuộc cho thấy kết quả kiểm định tương đối tốt. Hệ số KMO = $0,788 > 0,5$ nên việc sử dụng bộ dữ liệu này để phân tích nhân tố là thích hợp. Kiểm định Bartlett's Test dùng để xem xét các biến quan sát trong nhân tố có tương quan với nhau không, giá trị này cũng đạt khi giá trị Sig của kiểm định = $0,000 < 0,5$, do đó các biến quan sát có quan hệ với nhau và đủ điều kiện để phân tích nhân tố bằng EFA

Điểm dừng của phân tích nhân tố được đặt trên cơ sở hệ số Eigenvalue, số lượng nhân tố tối đa được lựa chọn khi hệ số này có giá trị nhỏ nhất > 1 và phần trăm tích lũy lớn hơn 50%. Với các điều kiện trên, có 1 nhân tố được rút trích ra tại Initial Eigenvalues là $2,485 > 1$, tổng phương sai

trích được là 62,113% > 50% cho thấy nhân tố được đưa ra trong EFA phản ánh được 62,113% sự biến thiên của tất cả các biến quan sát được đưa vào mô hình. Hệ số tải của các biến quan sát đều lớn hơn 0,5. Như vậy, các biến quan sát này đều có ý nghĩa trong phân tích EFA. Thông qua kiểm định hệ số tin cậy bằng Cronbach's Alpha và phân tích nhân tố khám phá (EFA), các thang đo của các khái niệm nghiên cứu đều đạt yêu cầu.

Bảng 3: Kết quả phân tích nhân tố khám phá cho biến phụ thuộc

Thang đo	Component Matrix	
Quảng Bình đang trở thành điểm đến du lịch địa chất hấp dẫn	PT4	,825
Góp phần phát triển góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương	PT1	,823
Thu hút được nhiều khách du lịch trong nước và quốc tế	PT2	,764
Tăng uy tín, thương hiệu du lịch tỉnh Quảng Bình	PT3	,737

Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu

3.4. Phân tích tương quan Pearson của mô hình

Phân tích tương quan Pearson là một trong các bước chúng ta thực hiện trong bài nghiên cứu sử dụng phân tích định lượng SPSS. Thường bước này sẽ được thực hiện trước khi phân tích hồi quy.

Mục đích chạy tương quan Pearson nhằm kiểm tra mối tương quan tuyến tính chặt chẽ giữa biến phụ thuộc với các biến độc lập và sớm nhận diện vấn đề đa cộng tuyến khi các biến độc lập cũng có tương quan mạnh với nhau. Kết quả phân tích tương quan Pearson của các biến trong mô hình được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 4: Phân tích tương quan Pearson các biến trong mô hình

		Correlations					
		PT	TN	CS	XT	CĐ	NC
PT	Pearson Correlation	1	,487**	,616**	,471**	,429**	,508**
	Sig, (2-tailed)		,000	,000	,000	,000	,000
	N	250	250	250	250	250	250
TN	Pearson Correlation	,487**	1	,230**	,218**	,228**	,118
	Sig, (2-tailed)	,000		,000	,001	,000	,062
	N	250	250	250	250	250	250
CS	Pearson Correlation	,616**	,230**	1	,354**	,246**	,175**
	Sig, (2-tailed)	,000	,000		,000	,000	,006
	N	250	250	250	250	250	250
XT	Pearson Correlation	,471**	,218**	,354**	1	,310**	,279**
	Sig, (2-tailed)	,000	,001	,000		,000	,000
	N	250	250	250	250	250	250
CĐ	Pearson Correlation	,429**	,228**	,246**	,310**	1	,311**
	Sig, (2-tailed)	,000	,000	,000	,000		,000
	N	250	250	250	250	250	250
NC	Pearson Correlation	,508**	,118	,175**	,279**	,311**	1
	Sig, (2-tailed)	,000	,062	,006	,000	,000	
	N	250	250	250	250	250	250

Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu

Nhìn vào bảng kết quả có thể thấy, Giá trị Sig tương quan giữa các biến độc lập với biến phụ thuộc đều < 0,05. Như vậy, các biến độc lập đều có tương quan tuyến tính với các biến phụ thuộc. Giá trị của hệ số tương quan Pearson giữa các biến độc lập và biến phụ thuộc đều > 0,4 thể hiện mối quan hệ tương quan mạnh giữa các biến phụ thuộc và biến độc lập. Hệ số tương quan giữa các biến độc lập với nhau đều < 0,7 nên không xảy ra vấn đề đa cộng tuyến. Như vậy, qua phân tích tương quan, tác giả khẳng định mối quan hệ giữa các biến độc lập và biến phụ thuộc là mối quan hệ tuyến tính, chặt chẽ. Từ đó tác giả tiếp tục tiến hành phân tích hồi quy đa biến để xác định rõ mối quan hệ của các biến và hình thành mô hình hồi quy biểu diễn mối quan hệ này.

3.5. Phân tích hồi quy tuyến tính

Tác giả thực hiện phân tích hồi quy đa biến nhằm xác định sự tác động các nhân tố ảnh hưởng tới Phát triển du lịch địa chất tỉnh Quảng Bình bao gồm 05 biến: Tài nguyên du lịch địa chất, Chính sách phát triển du lịch địa chất của địa phương, Công tác xúc tiến, quảng bá và đầu tư du lịch, Sự tham gia của người dân địa phương, Nhu cầu và khả năng thanh toán của khách du lịch đã đề xuất trong mô hình nghiên cứu đã điều chỉnh sau nghiên cứu định tính. Kết quả hồi quy như sau:

Kết quả hệ số tổng hợp mô hình hồi quy bằng 1-15 cho R² hiệu chỉnh (Adjusted R Squared) = 0,672 có nghĩa là các biến độc lập được đưa vào mô hình hồi quy ảnh hưởng tới 67,2% sự thay đổi của biến phụ thuộc. Giá trị thống kê Durbin-Watson là 1,997 nằm trong khoảng từ 1,5 đến 2,5 cho thấy kết quả hồi quy không có hiện tượng tương quan chuỗi bậc nhất, hay nói cách khác, các phần dư ước lượng của mô hình độc lập, không có mối quan hệ tuyến tính với nhau.

Bảng 5: Hệ số phương sai

ANOVA ^a						
Mô hình		Tổng bình phương	Df	Bình phương trung bình	F	Sig.
1	Regression	46,218	5	9,244	103,171	,000 ^b
	Residual	21,861	244	,090		
	Total	68,079	249			
a. Dependent Variable: PT						
b. Predictors: (Constant), NC, TN, CS, CĐ, XT						

Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu

Qua bảng kết quả hệ số phương sai cho thấy, hệ số F = 103,171 và Sig. = 0,000 tức là mô hình nghiên cứu tác giả đề xuất là phù hợp với tập dữ liệu đã khảo sát, hồi quy có ý nghĩa và kết quả của mô hình hồi quy có thể sử dụng được.

Khi xem xét hệ số phóng đại phương sai VIF của từng yếu tố có giá trị từ 1,106 đến 1,271, đều nhỏ hơn 5, chứng tỏ mô hình hồi quy không có hiện tượng đa cộng tuyến giữa các biến độc lập. Theo bảng kết quả hồi quy đa biến cho thấy 5 nhân tố ảnh hưởng xem xét đều có mối liên hệ tuyến tính với biến phụ thuộc (Phát triển du lịch địa chất tỉnh Quảng Bình) với mức ý nghĩa Sig. < 0,05.

Bảng 6: Phân tích hệ số hồi quy về các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch địa chất tỉnh Quảng Bình

Mô hình	Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số đã chuẩn hóa Beta	t	Sig.	Thống kê cộng tuyến	
	B	Sai số chuẩn				Độ chấp nhận	VIF
Constant	,067	,153		,438	,662		
Tài nguyên du lịch địa chất	,246	,032	,297	7,795	,000	,905	1,106
Chính sách phát triển du lịch địa chất	,296	,028	,415	10,446	,000	,835	1,198
Công tác xúc tiến, quảng bá và đầu tư	,095	,029	,132	3,233	,001	,786	1,271
Sự tham gia của cộng đồng địa phương	,086	,030	,117	2,904	,004	,816	1,225
Nhu cầu và khả năng thanh toán của khách du lịch	,246	,029	,327	8,390	,000	,864	1,157

Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu

Xem xét các giá trị Beta chưa chuẩn hóa, ta thấy các biến Tài nguyên du lịch địa chất, Chính sách phát triển du lịch địa chất của địa phương, Công tác xúc tiến, quảng bá và đầu tư du lịch, Sự tham gia của người dân địa phương, Nhu cầu và khả năng thanh toán của khách du lịch đều mang giá trị dương, có nghĩa là các biến độc lập có mức độ ảnh hưởng thuận chiều đến biến phụ thuộc (Phát triển du lịch địa chất tỉnh Quảng Bình).

Phương trình hồi quy chưa chuẩn hóa có dạng:

PT = 0,067 + 0,246*TN + 0,296*CS + 0,095*XT + 0,086*CD + 0,246*NC + ε

Phương trình hồi quy chuẩn hóa có dạng

PT = 0,297*TN + 0,415*CS + 0,132*XT + 0,117*CD + 0,327*NC + ε

Bảng 7: Hệ số hồi quy chuẩn hóa của các biến độc lập trong mô hình

STT	Biến độc lập	Ký hiệu	Hệ số hồi quy chuẩn hóa	Xếp hạng mức độ tác động
1	Tài nguyên du lịch địa chất	TN	0,297	3
2	Chính sách phát triển du lịch địa chất của địa phương	CS	0,415	1
3	Công tác xúc tiến, quảng bá và đầu tư du lịch	XT	0,132	4
4	Sự tham gia của cộng đồng địa phương	CĐ	0,117	5
5	Nhu cầu và khả năng thanh toán của khách du lịch	NC	0,327	2

Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu

Xem xét các giá trị Beta chuẩn hóa có thể thấy các nhân tố ảnh hưởng đến Phát triển du lịch địa chất tỉnh Quảng Bình có mức độ tác động theo thứ tự giảm dần lượt như sau: Chính sách phát triển du lịch địa chất của địa phương, Nhu cầu và khả năng thanh toán của khách du lịch, Tài nguyên du lịch địa chất, Công tác xúc tiến, quảng bá và đầu tư du lịch, Sự tham gia của cộng đồng địa phương. Kết quả phân tích trên là cơ sở để các cơ quan quản lý du lịch tỉnh Quảng Bình có định hướng để đề xuất các giải pháp nhằm Phát triển du lịch địa chất tỉnh Quảng Bình.

4. Kết luận và kiến nghị

Tỉnh Quảng Bình là địa phương có tiềm năng phát triển du lịch địa chất nổi bật. Có 5 nhân tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch địa chất tỉnh Quảng Bình bao gồm: Tài nguyên du lịch địa chất (chịu sự tác động mạnh của 5 biến: tài nguyên thủy quyền, tài nguyên thạch quyền, tài nguyên sinh thái, tài nguyên sinh học, tài nguyên di sản địa văn hóa và đặc trưng riêng biệt của tài nguyên du lịch địa chất tại Quảng Bình); Chính sách phát triển du lịch địa chất của địa phương (chịu sự tác động mạnh của 3 biến: tạo cơ chế chính sách đặc thù cho phát triển du lịch địa chất, tạo môi trường kinh tế ổn định và tạo cơ hội tốt để phát triển du lịch địa chất, tạo môi trường đầu tư để thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước cho phát triển du lịch địa chất); Công tác xúc tiến, quảng bá và đầu tư du lịch (chịu sự tác động mạnh của 5 biến: hoạt động xúc tiến, quảng bá của địa phương, sự tham gia hoạt động xúc tiến, quảng bá của các doanh nghiệp du lịch, liên kết quảng bá du lịch, đầu tư phát triển nguồn nhân lực du lịch, đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng du lịch); Sự tham gia của cộng đồng địa phương (chịu sự tác động mạnh của 5 biến: cộng đồng địa phương được tập huấn, giáo dục nâng cao nhận thức về du lịch địa chất, cộng đồng địa phương tham gia vào các hoạt động phát triển du lịch địa chất, cộng đồng địa phương chia sẻ quan điểm về du lịch địa chất với chính quyền địa phương, cộng đồng địa phương nhận được nhiều lợi ích kinh tế từ việc tham gia phát triển du lịch địa chất, cộng đồng địa phương nhận được nhiều lợi ích xã hội từ việc tham gia phát triển du lịch địa chất); Nhu cầu và khả năng thanh toán của khách du lịch (chịu sự tác động mạnh của 6 biến: khách du lịch có nhu cầu quan sát các tài nguyên du lịch địa chất tại Quảng Bình, khách du lịch có nhu cầu tìm hiểu về sự phát triển tự nhiên – xã hội – văn hóa tại các khu, điểm du lịch địa chất tại Quảng Bình, khách du lịch có nhu cầu trải nghiệm dịch vụ tại các khu, điểm du lịch địa chất tại Quảng Bình, khách du lịch có nhu cầu tìm hiểu về các tài nguyên du lịch địa chất thông qua hệ thống thông tin diễn giải tại các khu, điểm du lịch địa chất tại Quảng Bình, khách du lịch có nhu cầu được biết về các biện pháp bảo tồn di sản, bảo tồn tài nguyên du lịch địa chất tại Quảng Bình, khách du lịch có khả năng chi trả cho mức giá vé dịch vụ tour du lịch và ăn uống, lưu trú tại Quảng Bình). Dựa trên cơ sở đó, để phát triển du lịch địa chất tỉnh Quảng Bình, tác giả đề xuất một số kiến nghị như sau: Về phát triển sản phẩm du lịch, cần có sự phân loại tài nguyên du lịch địa chất để có những phương án đầu tư hợp lý cho khai thác du lịch, phát triển các sản phẩm du lịch phù hợp, nghiên cứu, điều chỉnh lộ trình một số tuyến điểm du lịch địa chất phù hợp với điều kiện thực tế, giảm áp lực lên môi trường, liên kết các khu, điểm du lịch, các trung tâm thương mại, khu vui chơi giải trí, làng nghề truyền thống để đa dạng hóa các sản phẩm du lịch; khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào phát triển các loại hình vui chơi giải trí hiện đại, mạo hiểm, đặc thù để đa dạng hóa sản phẩm du lịch địa chất, trong đó chú trọng mạnh phát triển các sản phẩm du lịch địa chất mới, đặc trưng. Thêm vào đó, cần triển khai chiến lược phát triển du lịch địa chất theo hướng bền vững, đảm bảo sự thống nhất trong chiến lược, quy hoạch và kế hoạch, với các mục tiêu trọng tâm và trọng điểm, tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản lý đầu tư, tạo điều kiện thông thoáng trong việc thu hút đầu tư

phát triển du lịch, đơn giản hóa các thủ tục hành chính để đảm bảo quá trình đầu tư diễn ra nhanh chóng, hiệu quả, và giảm thiểu các thủ tục không cần thiết cho doanh nghiệp, triển khai kế hoạch dài hạn để xây dựng và phát triển thương hiệu du lịch địa chất tại tỉnh Quảng Bình. Về công tác quảng bá, xúc tiến, đầu tư du lịch địa chất, cần đẩy mạnh tuyên truyền và quảng bá thông qua các phương tiện thông tin đại chúng đa dạng, kêu gọi hỗ trợ từ các tổ chức phi chính phủ, xã hội hóa phát triển du lịch, xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch. Về những công tác liên quan đến cộng đồng địa phương, cần thu hút sự tham gia của cộng đồng địa phương trong phát triển du lịch địa chất, nâng cao nhận thức xã hội về vai trò của du lịch đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện các hình thức truyền thông đa dạng và phong phú, tổ chức các khóa đào tạo và nâng cao nhận thức về du lịch có trách nhiệm, cung cấp thông tin hai chiều cho cộng đồng. Cuối cùng, liên quan đến khách du lịch, cần có các tác động đến tâm lý, thị hiếu của các đối tượng khách du lịch để đưa ra các sản phẩm du lịch địa chất và cách tiếp cận phù hợp thông qua việc xác định và phân chia khách du lịch đến Quảng Bình một cách hợp lý, củng cố bộ máy, nâng cấp cơ sở vật chất, phát huy tốt vai trò, hoạt động của đường dây nóng hỗ trợ khách du lịch; nâng cao chất lượng hoạt động hỗ trợ khách du lịch và cung cấp các thông tin, ấn phẩm cho khách du lịch.

Tài liệu tham khảo

- Arjan, I. W. B., Ernawati, N. M., & Astawa, I. K. (2017). Geotourism products industry element: A community approach. *Journal of Physics: Conference Series*, 953, The 2nd International Joint Conference on Science and Technology (IJCST), 27–28 September 2017, Bali, Indonesia.
- Bissig, G. (2008). Mapping geomorphosites: An analysis of geotourist maps. *Geoturystika*, 3, 3–12.
- Božić, S., & Tomić, N. (2015). Canyons and gorges as potential geotourism destinations in Serbia: Comparative analysis from two perspectives—general geotourists' and pure geotourists'. *Open Geosciences*, 7, 531–546.
- Chen, C. (2019). Analysis of "Geotourism +" mode and realization path based on innovation. *IOP Conference Series: Earth and Environmental Science*.
- Dowling, R. K. (2013). Global geotourism: An emerging form of sustainable tourism. *Czech Journal of Tourism*, 2(2), 59–79.
- Farsani, N. T., Coelho, C. O. A., & Costa, C. M. M. (2013). Rural geotourism: A new tourism product. *Acta Geoturistica*, 4(2), 1–10.
- Gerner, D., Rybár, P., Engel, J., & Domaracká, L. (2009). Geotourism marketing in Lake Constance region. *Acta Montanistica Slovaca*, 14, 197.
- Hose, T. A. (2012). 3G's for modern geotourism. *Geoheritage*, 4, 7–24.
- Khodani Matshusa, P., Thomas, P., & Leonard, L. (2020). Developing a scale for measuring influential factors towards geotourism development. *Acta Commercii*, 20(1), a861.
- Kiernan, K. (2013). The nature conservation, geotourism and poverty reduction nexus in developing countries: A case study from the Lao PDR. *Geoheritage*, 5, 207–225.
- Lima, E. A., Machado, M., & Nunes, J. C. (2013). Geotourism development in the Azores archipelago (Portugal) as an environmental awareness tool. *Czech Journal of Tourism*, 2, 126–142.
- National Geographic Society. (2002). *About geotourism*.
- Pralong, J.-P., & Reynard, E. (2005). A proposal for the classification of geomorphological sites depending on their tourist value. *Il Quaternario*, 18, 315–321.
- Reynard, E., Fontana, G., Kozlik, L., & Scapozza, C. (2007). A method for assessing "scientific" and "additional values" of geomorphosites. *Geographica Helvetica*, 62, 148–158.
- Shahhoseini, H., Modabberi, S., & Shahabi, M. (2017). Study of factors influencing the attitude of local people toward geotourism development in Qeshm National Geopark, Iran. *Geoheritage*, 9, 35–48.
- Tỉnh ủy Quảng Bình. (2020). *Báo cáo tổng kết chương trình hành động số 06-CTr/TU ngày 13/7/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển du lịch giai đoạn 2016 – 2020*.
- Tomić, N., & Božić, S. (2014). A modified geosite assessment model (M-GAM) and its application on the Lazar Canyon area (Serbia). *International Journal of Environmental Research*, 8, 1041–1052.
- Vujicic, M. D., Vasiljevic, D. A., Markovic, S. B., Hose, T. A., & Janicevic, S. (2011). Preliminary geosite assessment model (GAM) and its application on Fruška